

# TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRẺ DƯỚI 36 THÁNG TUỔI THEO MÔ HÌNH GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG

ĐINH THỊ ĐOAN HƯƠNG\*

Ngày nhận bài: 20/10/2016; ngày sửa chữa: 24/10/2016; ngày duyệt đăng: 25/10/2016.

**Abstract:** This article suggests applying the model of community-based education for infants aged under 36 months in pre-schools as well as home-based kindergartens within the local areas. In particular, this article focuses on discussing the characteristics of this model and the advantages it brings about in supporting the parents during their parenting, as well as helping them save costs. Finally, some proposals for this idea to be implemented effectively in practice in Vietnam are mentioned.

**Keywords:** Operating environment, community education, children under 36 months of age.

**T**rong những năm gần đây, ngành giáo dục mầm non (GDMN) ở nước ta đã được xã hội quan tâm nhiều hơn, tuy nhiên, sự quan tâm này hơi thiên lệch về giáo dục (GD) mẫu giáo. Tại các cơ sở GDMN đón trẻ dưới 36 tháng tuổi, hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng được ưu tiên hơn hoạt động GD trẻ và bị “mẫu giáo hóa” khá nhiều. Tước thực tế đó, vấn đề nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục (CS-GD) trẻ không còn là trách nhiệm của những người làm công tác GD, mà cần thiết phải có sự tham gia của toàn thể cộng đồng (CĐ), đặc biệt là từ phía phụ huynh có con trong độ tuổi này.

## 1. Mô hình giáo dục cộng đồng (GDCĐ)

GDCĐ (*community education* hay *community-based education*) là một mô hình tổ chức GD phổ biến trên thế giới hiện nay. Chiến lược GD của mô hình này là xây dựng và xúc tiến các chương trình hoạt động GD dựa trên tiếng nói, nhu cầu và nguyện vọng chung của những người sinh sống trong CĐ địa phương với sự tham gia tổ chức, quản lí, điều hành của chính họ. Mục đích của mô hình GDCĐ là nhằm hỗ trợ quá trình học tập và phát triển CĐ trong dài hạn bằng việc phát triển năng lực của các cá nhân và nhóm thành viên trong CĐ thông qua các chương trình hành động cụ thể. Các chương trình GD này được xây dựng dựa trên những điều kiện và năng lực của CĐ, hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng cuộc sống của các cá nhân. Chính vì vậy, chúng góp phần đáng kể vào việc thực thi tính công bằng, dân chủ trong GD nói riêng và trong các lĩnh vực đời sống xã hội nói chung.

Tùy vào mỗi địa phương, mô hình GDCĐ có thể được cấu trúc với các module khác nhau, thông thường gồm có: module thư viện CĐ; module khu vui chơi - giải trí - thể dục thể thao; module văn phòng hỗ trợ thông tin về văn hóa - xã hội như: tư vấn pháp luật, tư vấn chăm sóc y tế - dinh dưỡng, các câu lạc bộ dành cho người già, phụ nữ, trẻ em cần sự hỗ trợ đặc biệt (trẻ khuyết tật, trẻ đặc biệt)...

Tại Việt Nam, mô hình GDCĐ đã từng được áp dụng rộng rãi từ những năm 1950 trở đi. Đây là hình thức GD thực tiễn, linh động, phù hợp với thực trạng xã hội trong mỗi giai đoạn lịch sử, trong đó, mỗi vùng miền, địa phương căn cứ vào tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ. Bản chất của mô hình GDCĐ là *từ CĐ, do CĐ và vì CĐ*.

Ngày nay, mô hình GDCĐ thường được thể hiện dưới hình thức các Trung tâm học tập CĐ tại các xã, phường, do CĐ thành lập và quản lí nhằm tạo cơ hội học tập suốt đời cho người dân trong CĐ. Trung tâm học tập CĐ là thiết chế GD không chính quy của CĐ; do CĐ và vì CĐ. Ở châu Á nói chung, Việt Nam nói riêng, việc thành lập các trung tâm học tập CĐ đã và đang là xu hướng được xã hội quan tâm và phát triển tương đối nhanh trong những năm gần đây.

**Đặc trưng của mô hình GDCĐ:** Với bản chất là một mô hình GD của CĐ, do CĐ và vì CĐ, mô hình GDCĐ mang những thuộc tính sau:

- *Tính tích hợp:* Mô hình GDCĐ sử dụng cách tiếp cận tất cả các lĩnh vực ngành nghề và điều kiện đời

\* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

sống tại địa phương để xây dựng chương trình hoạt động GD và phát triển CĐ địa phương nhằm mang lại môi trường học tập và phát triển cho tất cả cá nhân trong CĐ đó.

- **Tính tự quản:** GDCĐ được gọi là GD không chính thức được thành lập do nhóm CĐ địa phương. Sự tham gia của các thành viên trong CĐ cùng tổ chức, điều hành, quản lí, lên kế hoạch... Chi phí nhà nước hỗ trợ một phần bên cạnh đó là sự đóng góp của các cá nhân và các tổ chức xã hội. Hình thức tổ chức linh hoạt theo nhóm nhỏ, nhóm vừa, hoặc nhóm lớn tùy tính chất và quy mô hoạt động.

- **Tính đại trà:** Đây chính là ưu thế của mô hình GDCĐ bởi nó có khả năng thu hút rộng rãi các thành viên CĐ cùng tham gia hoạt động, cũng như có thể mang lại cơ hội học tập thường xuyên và suốt đời cho tất cả các cá nhân trong CĐ, đặc biệt là những cá nhân, nhóm ở địa phương có hoàn cảnh khó khăn về KT-XH.

## **2. Cơ sở của việc tổ chức môi trường hoạt động GD trẻ dưới 36 tháng tuổi theo mô hình GDCĐ**

Mô hình GDCĐ có nhiều điểm tương thích với chiến lược xã hội hóa GDMN ở nước ta, do đó việc ứng dụng mô hình này để tổ chức các nhóm lớp mầm non có thể mở ra một hướng đi mới cho ngành học này. Việc ứng dụng mô hình GDCĐ dựa trên những cơ sở sau đây:

**2.1. Cơ sở thực tiễn:** Thực tiễn hiện nay cho thấy sự phối hợp giữa nhà trường mầm non và phụ huynh trong việc CS-GD trẻ ở nhiều địa phương vẫn chưa được hiệu quả. Điều đó thể hiện ở việc nhiều phụ huynh không quan tâm hoặc không biết đến chương trình GDMN. Họ gửi con đến nhà trẻ chỉ để con được chăm sóc (chủ yếu về mặt dinh dưỡng và vệ sinh) trong lúc họ bận đi làm. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có những phụ huynh có nhận thức tốt về tầm quan trọng của GDMN cũng như vai trò của cha mẹ đối với việc GD con cái. Họ mong muốn được tham gia cùng GVMN trong việc thực hiện chương trình GDMN, sẵn sàng dành thời gian đến trường mầm non cùng con. Việc tổ chức môi trường hoạt động GD theo mô hình GDCĐ sẽ mở ra cơ hội cho nhóm CĐ phụ huynh cùng tham gia tổ chức sắp xếp, thực hiện việc nuôi dạy con cái của mình cũng như giúp nhóm CĐ phụ huynh nâng cao nhận thức về khoa học GDMN và vai trò của họ trong việc phối hợp cùng nhà trường nuôi dạy những công dân tương lai của đất nước.

**2.2. Cơ sở khoa học:** Hoạt động CS-GD trẻ dưới 36 tháng tuổi dựa vào hoạt động chủ đạo của trẻ độ tuổi này là giao lưu xúc cảm - tình cảm và hoạt động

với đồ vật. Việc tổ chức môi trường hoạt động GDCĐ với sự cùng tham gia của các nhà chuyên môn, các bậc phụ huynh và toàn thể nhóm CĐ sẽ tạo môi trường tích cực giúp trẻ phát triển qua giao lưu, tương tác phù hợp giữa người lớn và trẻ. Đây là cơ sở để trẻ có thể phát triển toàn diện nhân cách một cách hiệu quả.

**2.3. Cơ sở pháp lí:** Tinh thần công tác xã hội hóa GDMN đã được thể hiện trong Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về việc đẩy mạnh các hoạt động xã hội hóa các hoạt động GD, y tế, văn hóa và thể dục, thể thao. Trong đó, Nghị quyết nêu rõ: "*Huy động nguồn lực của các ngành, các cấp, các tổ chức KT-XH và cá nhân để phát triển GD-ĐT. Tăng cường quan hệ của nhà trường với gia đình và xã hội; huy động trí tuệ, nguồn lực của toàn ngành, toàn xã hội vào việc đổi mới nội dung, chương trình, thực hiện GD toàn diện*".

## **3. Cách thức tổ chức môi trường hoạt động GD trẻ dưới 36 tháng tuổi theo mô hình GDCĐ**

Việc tổ chức môi trường hoạt động GD trẻ dưới 36 tháng tuổi theo mô hình GDCĐ là một quá trình nghiên cứu, xây dựng và điều chỉnh nội dung và tổ chức thực thi chương trình hoạt động GD có sự tham gia của nhóm CĐ một cách thường xuyên về mọi mặt nhằm liên tục cập nhật của chương trình GD, đáp ứng yêu cầu và xu hướng phát triển của CĐ. Về cơ bản, quá trình này có thể chia thành 3 giai đoạn như sau:

**3.1. Nghiên cứu địa phương và lựa chọn, xây dựng nội dung hoạt động GD.** Nghiên cứu địa phương là khâu đầu tiên trong quá trình tổ chức môi trường hoạt động GD trẻ dưới 36 tháng tuổi theo mô hình GDCĐ. Đây là bước khảo sát nhu cầu học tập và phát triển của CĐ địa phương, có thể được tiến hành bởi nhà trường mầm non, hoặc nhóm CĐ địa phương, hoặc bởi chính giáo viên mầm non đứng lớp tùy theo quy mô tổ chức hoạt động GD theo mô hình GDCĐ. Nghiên cứu địa phương nhằm giúp giáo viên hoạch định chương trình hoạt động hợp lí, đảm bảo nội dung chương trình phù hợp với chương trình phát triển chung của CĐ cũng như phù hợp với khả năng trợ giúp của cơ quan chính phủ và khả năng tự lực phát triển của CĐ. Nội dung các chương trình hoạt động GDCĐ cho nhóm trẻ phải nhằm mục đích góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống CĐ. Thông thường nội dung hoạt động được tổ chức theo các chủ đề GD liên quan đến một vấn đề thiết yếu của đời sống CĐ cần được giải quyết. Các chủ đề cần gắn liền với đời sống và có thể được lồng ghép vào các chương trình GDMN hiện hành như: *Luật Giao thông*; nước uống,

bệnh dịch, dinh dưỡng; xử lí, tái chế rác thải, bảo vệ môi trường; các kĩ năng thoát hiểm... Ngoài ra, chương trình còn giúp nâng cao nhận thức của phụ huynh về chương trình GDMN, các khái niệm trong khoa học GDMN và phương pháp nuôi dạy trẻ thông qua các hoạt động. Có thể lấy một số ví dụ về nội dung hoạt động GDCĐ có ý nghĩa và phù hợp với nhóm đối tượng này như: xây dựng môi trường và văn hóa đọc sách bằng cách khuyến khích việc bố mẹ đọc sách cùng con; tổ chức hội thảo phụ huynh với các nội dung sinh hoạt nhằm phát triển tinh thần dân chủ, ý thức về GDCĐ; bài trừ những tư tưởng nuôi dạy con không khoa học, khuyến khích và tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh khác như thể thao, đọc sách, kịch nhạc, xem phim,...

**3.2. Chuẩn bị môi trường cơ sở vật chất và kêu gọi hợp tác CĐ.** Sau khi xây dựng được nội dung ý tưởng cho chương trình hoạt động GD trẻ tại trường mầm non, nhà trường cần lên kế hoạch và thực hiện xây dựng môi trường hoạt động. Các công việc bao gồm: chỉnh trang, quy hoạch cơ sở vật chất trường học phục vụ cho các chương trình hoạt động GDCĐ như: thư viện sách khuyến khích việc đọc sách, truyền bá kiến thức thực tiễn, phòng sinh hoạt CĐ được trang bị các phương tiện, thiết bị công nghệ, sân chơi thể dục thể thao, tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh. Ngoài ra, trường cần có chiến lược và biện pháp cụ thể quảng bá chương trình hoạt động GDCĐ ra rộng rãi trong công chúng như: tiếp xúc CĐ và tuyên truyền, GD ý thức về GDCĐ để nhân dân địa phương, đặc biệt là phụ huynh có con trong độ tuổi này hiểu rõ ý nghĩa của trường mầm non CĐ; tiếp xúc và làm việc với chính quyền địa phương và các sở chuyên môn để bàn phương án phối hợp.

Để CĐ phụ huynh hưởng ứng mô hình này, các chương trình hoạt động phải phù hợp với nguyện vọng, nhu cầu và khả năng của phụ huynh. Phụ huynh nhận được lợi ích nhất định cho bản thân và cho con cái của họ từ các chương trình. Đồng thời, các chương trình hoạt động GD cần phải được tiến hành thực hiện thường xuyên, bền bỉ, liên tục mới gây được sức lan tỏa trong CĐ.

**3.3. Tổ chức thực thi chương trình hoạt động GD.** Các hoạt động GD trẻ được tổ chức thực hiện có sự tham gia của giáo viên mầm non đứng lớp cùng với nhóm phụ huynh - những thành viên trong nhóm CĐ. Tùy vào điều kiện của từng phụ huynh mà họ có thể tham gia đóng góp về mặt thời gian hoặc tài chính để tổ chức hoạt động của nhóm trẻ. Chính trong quá

trình hoạt động vui chơi, trò chuyện, thảo luận cùng nhau, mỗi đứa trẻ có được môi trường tương tác trong CĐ của chúng và thông qua đó phát triển một cách tự nhiên, hài hòa. Không những thế, ý thức của các phụ huynh và toàn thể CĐ về khoa học GDMN cũng được nâng cao một cách hiệu quả.

Trong quá trình thực thi nội dung các hoạt động GD, giáo viên cùng nhóm CĐ phụ huynh cần đảm bảo các nguyên tắc của GD CĐ sau đây:

- Tổ chức hoạt động cần tận dụng điều kiện, hoàn cảnh tại địa phương và phù hợp với nhu cầu địa phương, giáo viên và nhóm CĐ phụ huynh cần dùng ngay hoàn cảnh địa phương làm nguồn tài liệu GD và dùng hoạt động GD để cải thiện hoàn cảnh địa phương, nâng cao điều kiện sinh hoạt của mỗi cá nhân trong địa phương.

- GD phải đi đôi với hiệu quả, học đi đôi với hành, tạo cơ hội cho trẻ được tìm tòi, học hỏi, phát triển tinh thần học tập tập thể và dân chủ.

**4. Ưu thế của việc tổ chức môi trường hoạt động GD chăm sóc trẻ dưới 36 tháng tuổi theo mô hình GDCĐ:**

- Tạo sân chơi lành mạnh có văn hóa, mang tính GD phù hợp cho cả đối tượng là trẻ em và người lớn, đặc biệt là những bậc cha mẹ trẻ tham gia vào việc chăm sóc - nuôi dạy con cái.

- Là nơi hỗ trợ thông tin, tư vấn về Quyền Trẻ em, tư vấn dinh dưỡng, y tế... cho người dân trong CĐ tham gia góp phần ổn định xã hội.

- Các hoạt động mang tính lồng ghép, giúp giảm thiểu chi phí GD, phần lớn các hoạt động được duy trì với kinh phí chủ yếu có được từ các hoạt động gây quỹ của trung tâm hoặc một phần đóng góp nhỏ của các thành viên tham gia các hoạt động. Do vậy, cư dân thường được tham gia miễn phí hoặc chỉ có chi phí rất nhỏ để phục vụ công tác tổ chức hoạt động. Ngoài ra, nguồn nhân lực để tổ chức các hoạt động cũng do các thành viên tham gia đóng góp tùy theo điều kiện mỗi cá nhân. Có thể nói, mô hình này phù hợp đối với những khu vực địa bàn địa phương có nhiều trẻ em trong nhóm độ tuổi nhà trẻ mà người dân ít hoặc chưa có nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của GDMN, đồng thời gặp khó khăn về tài chính để có thể trang trải cho con đến trường mầm non.

\* \* \*

GDCĐ không còn là một mô hình xa lạ đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Việc ứng dụng mô hình GDCĐ trong quá trình tổ chức môi trường hoạt động GD cho trẻ mầm non nói chung và trẻ dưới 36 tháng (Xem tiếp trang 64)

thực hiện sự tích hợp này (GV) và một bên là người thụ hưởng kết quả tích hợp (SV) khẳng định rằng, GV đã nỗ lực và có ý thức trong việc tích hợp, nhưng SV chưa tiếp nhận được những tri thức, kĩ năng về nghiệp vụ sư phạm mà GV tích hợp. Để nâng cao hiệu quả quá trình tích hợp này, GV cần đổi mới phương pháp tích hợp.

\* \* \*

Tích hợp rèn luyện NLSP thông qua giảng dạy các học phần KHCN là một trong những biện pháp quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên ở các trường đại học sư phạm; tuy nhiên, kết quả khảo sát lại cho thấy, việc tích hợp này chưa được tiến hành thường xuyên. Để quá trình tích hợp đem lại hiệu quả cao và tiến hành thường xuyên, các trường đại học sư phạm cần nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc tích hợp; biến quan điểm tích hợp thành chủ trương của nhà trường và quán triệt ở tất cả GV dạy KHCN và nghiệp vụ sư phạm. GV dạy các môn KHCN cần ưu tiên tích hợp, lồng ghép những nội dung, kinh nghiệm giảng dạy của mình trong suốt quá trình đào tạo. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Thị Kim Dung (chủ nhiệm đề tài) (2013). Báo cáo tổng kết đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ: “Giải pháp đổi mới đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu giáo

dục phổ thông thời kì mới”, Mã số: B2001-17-CT04, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[2] Đinh Quang Báo (2010). *Mô hình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trong bối cảnh hội nhập kinh tế*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 57, tr 11-15.

[3] Nguyễn Đức Chính - Tống Thị Quý (2014). *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên trong dạy học các môn khoa học cơ bản tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 2 (75), tr 14-17.

[4] Bùi Khắc Tin (2009). *Dạy học hình học ở trường cao đẳng sư phạm theo hướng tích hợp với rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên*. Tạp chí Dạy và học ngày nay, số 6, tr 37-39.

[5] Bùi Minh Đức - Đào Thị Việt Anh - Hoàng Thị Kim Huyền (2012). *Đổi mới mô hình đào tạo giáo viên trong các trường đại học sư phạm theo hướng tiếp cận năng lực*. Tạp chí Giáo dục, số 277, tr 2-5.

[6] Nguyễn Tấn Hùng (2010). *Đào tạo tín chỉ ở nước ta hiện nay: Ưu điểm, một số bất cập và biện pháp hoàn thiện*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 5(40), tr 148-154.

[7] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.

## Tổ chức môi trường hoạt động...

(Tiếp theo trang 24)

tuổi nói riêng sẽ giúp nâng cao nhận thức người dân địa phương về trách nhiệm nuôi dạy con cái cũng như học tập, chia sẻ với nhau về phương pháp chăm sóc - nuôi dạy con cái một cách khoa học; từ đó, góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng chăm sóc-GD trẻ tại các địa phương ở nước ta. Tuy nhiên, để việc ứng dụng mô hình này đi vào thực tiễn và đạt hiệu quả, Nhà nước cần có đề án và chính sách cụ thể để nghiên cứu sâu rộng hơn về vấn đề này nhằm từng bước triển khai chương trình GDCE trong thực tế GDMN tại các địa phương. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Ban Giáo dục cộng đồng (1991). *Giáo dục cộng đồng*. Trung tâm học liệu Bộ GD-ĐT.

[2] Chính phủ. *Nghị quyết 05/2005/NQ-CP ngày 8/4/2005 về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao*.

[3] McConnell - Charlie (2002). *Community Learning and Development: The Making of an Empowering Profession*, Edinburgh: Community Learning, Scotland/PAULO, ISBN 0-947919-75-9.

[4] Nguyễn Thái Anh (chủ biên) - Nguyễn Đức - Đàm Xuân (2012). *Chương trình giáo dục mầm non mới trong chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam (xã hội hóa công tác giáo dục, hội nhập quốc tế, hướng dẫn nhà trường, phụ huynh chăm sóc trẻ tốt)*. NXB Văn hóa - Thông tin.

[5] Phan Lan Anh - Lí Thị Hằng - Nguyễn Thị Hiếu - Nguyễn Thanh Giang (2015). *Những sáng kiến kinh nghiệm chọn lọc: nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ (dành cho giáo viên mầm non)*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[6] Packham - Carol (2008). *Active Citizenship & Community Learning*. Exeter: Learning Matters Ltd, ISBN 978-1-84445-152-4.

[7] Tett - Lyn (2006). *Community Education, Lifelong Learning & Social Inclusion*, Edinburgh: Dunedin Academic Press, ISBN 1-903765-56-0.